

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03 /2009/QĐ-UBND

Phan Thiết, ngày 14 tháng 01 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định chế độ chi ngoài quy định của Trung ương đối với
hoạt động thể dục thể thao tỉnh Bình Thuận**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg ngày 18/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ chi đối với huấn luyện viên, vận động viên;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 34/2007/TTLT/BTC-BLĐTB&XH-UBTDTT ngày 09/04/2007 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Ủy ban Thể dục Thể thao hướng dẫn thực hiện Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg ngày 18/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ chi đối với huấn luyện viên, vận động viên;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 106/2006/TTLT-BTC-UBTDTT ngày 17/11/2006 của Bộ Tài chính, Ủy ban Thể dục Thể thao quy định chế độ chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao;

Thực hiện Công văn số 04/HĐND-CTHĐ ngày 02/01/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ chi ngoài quy định của Trung ương đối với hoạt động thể dục thể thao của tỉnh;

Theo đề nghị của Liên Sở Tài chính - Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 95/TTr/STC-SVH,TT&DL ngày 27/11/2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định một số chế độ chi đối với huấn luyện viên, vận động viên thể dục thể thao; chi khen thưởng lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã; chi thù lao nhiệm vụ tại các giải thi bóng đá trên địa bàn tỉnh, bổ sung ngoài quy định của Trung ương như sau:

1. Chế độ chi đối với vận động viên, huấn luyện viên:

1.1 Đối tượng, phạm vi áp dụng:

- Chế độ chi quy định tại khoản 1 điều 1 Quyết định này áp dụng đối với vận động viên, huấn luyện viên, hướng dẫn viên thuộc đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu của tỉnh; học sinh và giáo viên Trường Nghiệp vụ thể dục

thể thao trong thời gian tập trung huấn luyện, thi đấu theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền và thời gian tập luyện thường xuyên theo chương trình huấn luyện, giảng dạy.

- Chế độ tiền công hợp đồng tại khoản 1 điều 1 Quyết định này chưa bao gồm chế độ dinh dưỡng đối với vận động viên, huấn luyện viên thể dục thể thao theo quy định hiện hành của nhà nước.

1.2. Chế độ chi:

a) Tiền công hợp đồng huấn luyện viên, vận động viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước:

- Trong thời gian tập luyện thường xuyên theo chương trình huấn luyện, giảng dạy, huấn luyện viên, vận động viên được hưởng tiền công hợp đồng bằng mức chi tiền công trong thời gian tập trung huấn luyện và thi đấu theo quy định của Trung ương (Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg ngày 18/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ).

- Đối với huấn luyện viên có chuyên môn giỏi, có uy tín trong nghề, Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thỏa thuận thống nhất và ký hợp đồng trả tiền công theo tháng. Trường hợp mức tiền công trên 10 triệu đồng/tháng, Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch trình UBND tỉnh cho ý kiến trước khi ký kết hợp đồng.

- Đối với vận động viên có đẳng cấp, trình độ chuyên môn cao, Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch thỏa thuận thống nhất và ký hợp đồng trả tiền công theo tháng. Trường hợp mức tiền công trên 5 triệu đồng/tháng, Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch trình UBND tỉnh cho ý kiến trước khi ký kết hợp đồng.

b) Mức tiền công hợp đồng đối với trợ lý huấn luyện viên trưởng (nếu có) các đội tuyển của tỉnh trong thời gian tập trung huấn luyện, thi đấu theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền và thời gian tập luyện thường xuyên theo chương trình huấn luyện, giảng dạy:

- Trợ lý huấn luyện viên trưởng đội tuyển tỉnh: 60.000 đồng/người/ngày.

- Trợ lý huấn luyện viên trưởng đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu tỉnh: 45.000 đồng/người/ngày.

c) Trợ cấp vận động viên được phong cấp kiện tướng, dự bị kiện tướng; huấn luyện viên có vận động viên được phong cấp:

- Trợ cấp đối với vận động viên trong thời gian giữ danh hiệu:

+ Kiện tướng: 300.000 đồng/tháng

+ Dự bị kiện tướng: 200.000 đồng/tháng

- Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện vận động viên phong cấp kiện tướng, dự bị kiện tướng tại cơ quan quản lý vận động viên được hưởng trợ cấp hàng tháng theo số lượng vận động viên được phong cấp, mức trợ cấp và thời gian hưởng của vận động viên. Trường hợp có nhiều huấn luyện viên trực tiếp

huấn luyện, mức trợ cấp hàng tháng của từng huấn luyện viên do Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch quyết định trên cơ sở đề nghị của tập thể huấn luyện viên và Thủ trưởng cơ quan quản lý huấn luyện viên, vận động viên.

d) Trợ cấp vận động viên trong thời gian đi học tập trung chuyên ngành: Vận động viên có thời gian tham gia thi đấu cho các đội tuyển của tỉnh từ 2 năm trở lên, nếu khi chấm dứt hợp đồng được Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch cử đi học tại các trường đại học, cao đẳng thể dục thể thao và cam kết sau khi học về phục vụ tại địa phương tối thiểu 5 năm, được hưởng trợ cấp hàng tháng trong thời gian theo học. Mức trợ cấp bằng 50% tiền công tháng tại thời điểm chấm dứt hợp đồng làm vận động viên đội tuyển.

đ) Định mức trang phục, dụng cụ tập luyện, thi đấu: *theo biểu đính kèm.*

2. Chế độ chi khen thưởng lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã; mức chi thù lao làm nhiệm vụ tại các giải bóng đá trên địa bàn tỉnh.

2.1. Đối tượng, phạm vi áp dụng.

a) Chế độ chi quy định tại khoản 2 điều 1 Quyết định này áp dụng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể dục thể thao cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã không thuộc hệ thống các giải thi đấu của quốc gia; các cá nhân làm nhiệm vụ tại các giải bóng đá trên địa bàn tỉnh, bao gồm thành viên Ban Tổ chức, giám sát, trọng tài chính, thư ký, trợ lý trọng tài, bộ phận y tế, lực lượng làm nhiệm vụ bảo vệ, trật tự, nhân viên phục vụ, nhật bóng.

b) Quy định về áp dụng mức chi tại các giải thi đấu cụ thể:

- Trường hợp toàn bộ kinh phí tổ chức giải thi đấu do ngân sách nhà nước chi, các mức chi quy định tại Quyết định này là mức tối đa. Trưởng Ban Tổ chức các giải thi đấu quyết định mức chi cho phù hợp, trong phạm vi dự toán ngân sách được giao.

- Trường hợp giải thi đấu tổ chức từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân, Trưởng Ban Tổ chức giải thi đấu quyết định chi bổ sung ngoài mức chi tại Tờ trình này cho các đối tượng tham gia giải thi đấu theo thỏa thuận với nhà tài trợ, nhưng mức chi bổ sung không vượt quá 50% mức quy định tại Quyết định này.

- Trường hợp toàn bộ kinh phí tổ chức giải thi đấu do các tổ chức, cá nhân tài trợ, Trưởng Ban Tổ chức giải đấu quyết định mức chi theo thỏa thuận với nhà tài trợ.

2.2. Chế độ chi.

a) Chi khen thưởng lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã: *theo biểu đính kèm.*

b) Mức chi thù lao làm nhiệm vụ tại các giải thi đấu bóng đá:

- Giải thi đấu cấp tỉnh:

+ Trọng tài chính, giám sát, trợ lý trọng tài: Mức thù lao bằng mức chi tối đa bồi dưỡng làm nhiệm vụ giải thi đấu cấp khu vực quy định tại tiết b điểm 2.1.2 khoản 2 Mục II Thông tư liên tịch số 106/2006/TTLT-BTC-UBTDTT, cộng thêm 20.000 đồng/người/trận.

+ Các đối tượng khác: Mức thù lao bằng mức chi tối đa bồi dưỡng làm nhiệm vụ giải thi đấu cấp khu vực quy định tại tiết b điểm 2.1.2 khoản 2 mục II Thông tư liên tịch số 106/2006/TTLT-BTC-UBTDTT.

- Giải thi đấu cấp huyện: Mức chi thù lao cho các cá nhân làm nhiệm vụ bằng 70% mức chi giải thi đấu cấp tỉnh.

- Giải thi đấu cấp xã: Mức chi thù lao cho các cá nhân làm nhiệm vụ bằng 50% mức chi giải thi đấu cấp tỉnh.

Điều 2.

1. Các nội dung chi đối với vận động viên, huấn luyện viên, các giải thi đấu thể thao thuộc hệ thống giải thi đấu quốc gia chưa quy định tại điều 1 Quyết định này áp dụng theo các văn bản quy định hiện hành của nhà nước (Quyết định số 234/2006/QĐ-TTg ngày 18/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư liên tịch số 34/2007/TTLT/BTC-BLĐTB&XH-UBTDTT ngày 09/04/2007 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Ủy ban Thể dục Thể thao về một số chế độ chi đối với huấn luyện viên, vận động viên; Thông tư liên tịch số 106/2006/TTLT-BTC-UBTDTT ngày 17/11/2006 của Bộ Tài chính, Ủy ban Thể dục Thể thao quy định chế độ chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao; Thông tư liên tịch số 103/2004/TTLT/BTC-UBTDTT ngày 15/11/2004 của Bộ Tài chính, Ủy ban Thể dục Thể thao, Quyết định số 45/2005/QĐ-UBND ngày 07/07/2005 của UBND tỉnh Bình Thuận về chế độ dinh dưỡng đối với vận động viên, huấn luyện viên thể dục thể thao).

Đối với vận động viên lập thành tích tại các cuộc thi đấu vô địch quốc gia, Đại hội thể dục thể thao toàn quốc, các cuộc thi đấu vô địch trẻ quốc gia: Mức chi tiền thưởng cụ thể do Giám đốc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch quyết định trong phạm vi dự toán kinh phí được giao và đảm bảo không vượt mức chi tối đa theo quy định của Trung ương (Thông tư liên tịch số 34/2007/TTLT/BTC-BLĐTB&XH-UBTDTT).

2. Khuyến khích các đơn vị quản lý, sử dụng huấn luyện viên, vận động viên khai thác các nguồn thu hợp pháp để bổ sung thêm tiền công, tiền thưởng, trợ cấp khám chữa bệnh, tại nạn lao động và các chế độ khác đối với huấn luyện viên, vận động viên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế các Quyết định của UBND tỉnh: Quyết định số 41/2001/QĐ-CTUBBT ngày 16/7/2001 về việc ban hành mức khen thưởng thành tích thi đấu các giải thể thao do cấp tỉnh và cấp huyện tổ chức, Quyết định số 2341/QĐ-CTUBBT ngày 19/9/2001 về việc mức chi khen thưởng thành tích thi đấu tại giải quốc gia của các đội bóng đá tỉnh, Quyết định số 2797/QĐ-CTUBBT ngày 28/10/2003 về việc quy định tạm thời chế độ, chính sách ngành thể dục thể thao, Quyết định số

số 601/QĐ-CTUBBT ngày 25/02/2004 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2797/QĐ-CTUBBT ngày 28/10/2003, Quyết định số 3825/QĐ-CTUBBT ngày 03/9/2004 về việc điều chỉnh mức chi khen thưởng thành tích thi đấu tại giải quốc gia của các đội bóng đá tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Kho bạc nhà nước, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh uỷ (báo cáo);
- TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội;
- UBMT Tổ quốc tỉnh;
- Đài Phát thanh truyền hình;
- Báo Bình Thuận;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Như Điều 4;
- Lưu: VT, VX, TH. Vy

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Tấn Thành

BIỂU CHI TIẾT CHẾ ĐỘ TRANG PHỤC, DỤNG CỤ TẬP LUYỆN VÀ THI ĐẤU

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 03/2009/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 01 năm 2009 của UBND tỉnh)

STT	Bộ môn	Trang phục, dụng cụ	VĐV tuyển	VĐV trẻ	Học sinh năng khiếu	Giáo viên, HLV, HDV
1	Bóng đá	Quần áo ngắn	4 bộ/người/năm	3 bộ/người/năm	2 bộ/người/năm	2 bộ/người/năm
		Quần áo dài	1 bộ/người/năm	1 bộ/người/năm	1 bộ/người/năm	1 bộ/người/năm
		Quần áo thi đấu	3 bộ/đội/năm	2 bộ/đội/năm	1 bộ/đội/năm	
		Giày bata	6 đôi/ người/năm	5 đôi/ người/năm	4 đôi/ người/năm	2 đôi/ người/năm
		Giày da tập	3 đôi/ người/năm	2 đôi/ người/năm	1 đôi/ người/năm	1 đôi/người/năm
		Giày da, tất thi đấu	3 đôi/ người/năm	2 đôi/ người/năm	1 đôi/ người/năm	
		Găng tay thủ môn tập luyện	4 đôi/ người/năm	3 đôi/ người/năm	2 đôi/ người/năm	
		Găng tay thủ môn thi đấu	3 đôi/ người/năm	2 đôi/ người/năm	1 đôi/ người/năm	
		Bọc ống chân	2 đôi/ người/năm	1 đôi/ người/năm	1 đôi/ người/năm	1 đôi/người/năm
		Bóng da tập	60 quả/đội/năm	50 quả/đội/năm	50 quả/đội/năm	
		Bóng da thi đấu	4 quả/đội/năm	4 quả/đội/năm	4 quả/đội/năm	
2	Bóng rổ	Quần áo ngắn	4 bộ/người/năm	3 bộ/người/năm	2 bộ/người/năm	2 bộ/người/năm
		Quần áo dài	1 bộ/người/năm	1 bộ/người/năm	1 bộ/người/năm	1 bộ/người/năm
		Quần áo thi đấu	3 bộ/đội/năm	2 bộ/đội/năm	1 bộ/đội/năm	
		Giày thi đấu	3 đôi/người/năm	2 đôi/người/năm	1 đôi/người/năm	
		Giày tập chuyên dụng	2 đôi/ người/năm	2 đôi/ người/năm	1 đôi/ người/năm	
		Bóng da tập	25 quả/đội/năm	20 quả/đội/năm	20 quả/đội/năm	
		Bóng da thi đấu	5 quả/đội/năm	4 quả/đội/năm	4 quả/đội/năm	
3	Bóng chuyền	Quần áo ngắn	4 bộ/người/năm	3 bộ/người/năm	2 bộ/người/năm	2 bộ/người/năm
		Quần áo dài	1 bộ/người/năm	1 bộ/người/năm	1 bộ/người/năm	1 bộ/người/năm
		Quần áo thi đấu	3 bộ/đội/năm	2 bộ/đội/năm	1 bộ/đội/năm	
		Giày thi đấu	3 đôi/người/năm	2 đôi/người/năm	1 đôi/người/năm	
		Giày tập	3 đôi/người/năm	2 đôi/người/năm	2 đôi/người/năm	2 đôi/người/năm
		Băng bảo vệ gối	2 cái/người/năm	2 cái/người/năm	2 cái/người/năm	
		Bóng da tập	30 quả/đội/năm	25 quả/đội/năm	20 quả/đội/năm	
		Bóng da thi đấu	5 quả/đội/năm	4 quả/đội/năm	4 quả/đội/năm	
4	Điền kinh	Quần áo ngắn	4 bộ/người/năm	3 bộ/người/năm	2 bộ/người/năm	2 bộ/người/năm
		Quần áo dài	1 bộ/người/năm	1 bộ/người/năm	1 bộ/người/năm	1 bộ/người/năm
		Quần áo thi đấu	3 bộ/người/năm	2 bộ/người/năm	1 bộ/người/năm	
		Giày bata	6 đôi/người/năm	5 đôi/người/năm	4 đôi/người/năm	2 đôi/người/năm
		Giày đinh tập	2 đôi/người/năm	1 đôi/người/năm	1 đôi/người/năm	
		Giày đinh thi đấu	2 đôi/người/năm	1 đôi/người/năm	1 đôi/người/năm	
5	Cầu lông, Quần vợt, Bóng bàn	Quần áo ngắn	4 bộ/người/năm	3 bộ/người/năm	2 bộ/người/năm	2 bộ/người/năm
		Quần áo dài	1 bộ/người/2năm	1 bộ/người/2năm	1 bộ/người/2năm	1 bộ/người/2năm
		Quần áo thi đấu	3 bộ/người/năm	2 bộ/người/năm	1 bộ/người/năm	
		Giày tập ch. dụng	3 đôi/người/năm	2 đôi/người/năm	1 đôi/người/năm	1 đôi/người/năm
		Giày thi đấu	2 đôi/người/năm	1 đôi/người/năm	1 đôi/người/năm	
		Lưới đan vợt	12 sợi/người/năm	8 sợi/người/năm	6 sợi/người/năm	2 sợi/người/năm

		Cầu tập	60quả/người/tháng	40quả/người/tháng	30quả/người/tháng	
		Cầu thi đấu	20quả/người/giải	10 quả/người/giải	10 quả/người/giải	
		Vợt tập	2 cây/người/năm	1 cây/người/năm	1 cây/người/năm	1 cây/người/năm
		Vợt thi đấu	2 cây/người/năm	1 cây/người/năm	1 cây/người/năm	
		Mặt vợt (bbàn)	4 cái/người/năm	4 cái/người/năm	4 cái/người/năm	2 cái/người/năm
		Bóng tập (b. bàn)	40quả/người/tháng	30quả/người/tháng	30quả/người/tháng	
		Bóng thi đấu (bbàn)	10 quả/người/giải	10quả/người/giải	10quả/người/giải	
		Bóng tập (q.vợt)	15quả/người/tháng	10quả/người/tháng	10quả/người/tháng	
		Bóng thi đấu (qvợt)	5 quả/người/giải	5quả/người/giải	5quả/người/giải	
6	Võ thuật	Quần áo ngắn	3 bộ/người/năm	2 bộ/người/năm	2 bộ/người/năm	1 bộ/người/năm
		Quần áo dài	1 bộ/người/năm	1 bộ/người/năm	1 bộ/người/năm	1 bộ/người/ năm
		Giày bata	4 đôi/người/năm	3 đôi/người/năm	3 đôi/người/năm	2 đôi/người/năm
		Giày tập ch. dụng	2 đôi/người/năm	1 đôi/người/năm	1 đôi/người/năm	1 đôi/người/năm
		Võ phục tập luyện	2 bộ/người/năm	2 bộ/người/năm	2 bộ/người/năm	2 bộ/người/năm
		Võ phục thi đấu	1 bộ/người/năm	1 bộ/người/năm	1 bộ/người/năm	
		Sơ mi gối	1 bộ/người/năm	1 bộ/người/năm	1 bộ/người/năm	
		Bảo hộ tay chân	2 bộ/người/năm	1 bộ/người/năm	1 bộ/người/năm	
		Cuky (bảo vệ)	2 cái/người/năm	2 cái/người/năm	2 cái/người/năm	
		Vợt đá (kép,đôi)	10 bộ/đội/năm	10 bộ/đội/năm	10 bộ/đội/năm	
		Dây nhảy	10 sợi/đội/năm	10 sợi/đội/năm	10 sợi/đội/năm	
		Giáp + nón (Bộ)	10 bộ/đội/năm	10 bộ/đội/năm	10 bộ/đội/năm	
		Bao tay	2bộ/người/năm	1bộ/người/năm	1bộ/người/năm	
		Bảo hiểm răng	1 cái/người/năm	1 cái/người/năm	1 cái/người/năm	
		Băng thun	3 cái/người/năm	2 cái/người/năm	2 cái/người/năm	
7	Cử tạ, Thể hình	Găng tay	2 bộ/người/năm	1 bộ/người/năm	1 bộ/người/năm	
		Quần áo ngắn	4 bộ/người/năm	3 bộ/người/năm	3 bộ/người/năm	2 bộ/người/năm
		Quần áo dài	1 bộ/người/năm	1 bộ/người/năm	1 bộ/người/năm	1 bộ/người/ năm
		Quần áo thi đấu	3 bộ/người/năm	2 bộ/người/năm	2 bộ/người/năm	
		Giày bata	3 đôi/người/năm	2 đôi/người/năm	2 đôi/người/năm	2 đôi/người/năm
		Giày thi đấu c.dụng	2 đôi/người/2 năm	1 đôi/người/2năm	1 đôi/người/2năm	
		Bao tay	3 bộ/người/năm	2 bộ/người/năm	2 bộ/người/năm	
		Dây lưng c.dụng	1 sợi/người/năm	1 sợi/người/năm	1 sợi/người/năm	
		Dầu bóng	1 chai/người/giải	1chai/người/giải	1chai/người/giải	
		Băng gối	3 bộ/người/năm	2 bộ/người/năm	2 bộ/người/năm	
		Băng cổ tay	3 bộ/người/năm	2 bộ/người/năm	2 bộ/người/năm	
8	Boi, lặn	Quần áo ngắn	4 bộ/người/năm	3 bộ/người/năm	2 bộ/người/năm	2 bộ/người/năm
		Quần áo dài	1 bộ/người/năm	1 bộ/người/năm	1 bộ/người/năm	1 bộ/người/năm
		Giày bata	2 đôi/người/năm	2 đôi/người/năm	2 đôi/người/năm	2 đôi/người/năm
		Quần bơi tập	4 cái/người/năm	3 cái/người/năm	4 cái/người/năm	
		Quần bơi thi đấu	3 cái/người/giải	2 cái/người/giải	2 cái/người/giải	
		Kính bơi	2 cái/người/năm	1 cái/người/năm	2 cái/người/năm	
		Khăn lông (loại lớn)	4 cái/người/giải	4 cái/người/giải	4 cái/người/giải	2 cái/người/giải
		Vòi hơi chân vịt	3 bộ/người/năm	3 bộ/người/năm	2 bộ/người/năm	
9	Đua thuyền	Quần áo ngắn	3 bộ/người/năm	3 bộ/người/năm	3 bộ/người/năm	2 bộ/người/năm
		Quần áo dài	1 bộ/người/năm	1 bộ/người/năm	1 bộ/người/năm	1 bộ/người/ năm
		Giày bata	3 đôi/người/năm	3 đôi/người/năm	3 đôi/người/năm	2 đôi/người/năm
		Quần áo thi đấu	1 bộ/người/giải	1 bộ/người/giải	1 bộ/người/giải	

		Bao tay	2 bộ/người/năm	2 bộ/người/năm	2 bộ/người/năm	
		Bao gối	1 bộ/người/giải	1 bộ/người/giải	1 bộ/người/giải	
		Khăn lông (loại lớn)	1 cái/người/giải	1 cái/người/giải	1 cái/người/giải	
10	Xe đạp	Nón tập	3 cái/người/năm	2 cái/người/năm	2 cái/người/năm	2 cái/người/năm
		Quần áo thi đấu	1 bộ/người/giải	1 bộ/người/giải	1 bộ/người/giải	
		Giày thi đấu	1 đôi/người/giải	1 đôi/người/năm	1 đôi/người/năm	2 đôi/người/năm
		Giày bata	3 đôi/người/năm	2 đôi/người/năm	2 đôi/người/năm	2 đôi/người/năm
		Nón chuyên dụng	3 cái/người/năm	2 cái/người/năm	2 cái/người/năm	2 cái/người/năm
		Găng tay	2 đôi/người/năm	2 đôi/người/năm	2 đôi/người/năm	
		Kính chuyên dụng	2 đôi/người/năm	2 đôi/người/năm	2 đôi/người/năm	2 đôi/người/năm
		Bình đồng	1 cái/người/năm	1 cái/người/năm	1 cái/người/năm	
		Xe đạp	1 chiếc/người/năm	1 chiếc/người/năm	1 chiếc/người/năm	
11	Các loại dụng cụ thiết bị khác	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch trang bị bổ sung hàng năm theo đặc thù các loại hình, từng môn thể thao				

**MỨC CHI KHEN THƯỞNG CÁC GIẢI THỂ THAO
CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN, CẤP XÃ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 03/2009/QĐ-UBND

Ngày 14 tháng 01 năm 2009 của UBND tỉnh)

I. GIẢI CẤP TỈNH

ĐVT: đồng

Số TT	Loại hình/Bộ môn	Giải nhất	Giải nhì	Giải ba	Giải phong cách, khuyến khích
A	GIẢI VÔ ĐỊCH				
<i>I</i>	<i>CÁC MÔN TẬP THỂ</i>				
1	Bóng đá				
	Bóng đá sân lớn	4.000.000	3.000.000	2.000.000	1.000.000
	Bóng đá trong nhà	2.000.000	1.500.000	1.000.000	500.000
2	Bóng chuyền, Bóng rổ, Bóng ném	2.000.000	1.500.000	1.000.000	500.000
3	Bóng chuyền bãi biển	700.000	500.000	400.000	300.000
4	Giải cá nhân xuất sắc từng nội dung các môn thể thao tập thể : 300.000 đồng/nội dung/giải				
<i>II</i>	<i>CÁC MÔN CÁ NHÂN</i>				
1	Điền kinh, Bơi lội				
	Cá nhân từng nội dung - cự ly	300.000	200.000	150.000	100.000
	Cá nhân toàn năng	300.000	200.000	150.000	100.000
	Đồng đội tiếp sức	400.000	300.000	200.000	150.000
	Đồng đội	600.000	400.000	300.000	200.000
	Toàn đoàn	800.000	600.000	400.000	300.000
2	Các môn cờ				
	Giải đơn	300.000	200.000	150.000	100.000
	Giải đồng đội	500.000	300.000	200.000	150.000
	Giải toàn đoàn	800.000	600.000	400.000	200.000
3	Các môn võ thuật				
	Cá nhân đối kháng	300.000	200.000	150.000	100.000
	Thi quyền cá nhân	200.000	150.000	100.000	50.000
	Thi quyền đồng đội	300.000	200.000	150.000	100.000
	Đồng đội đối kháng	400.000	300.000	200.000	150.000
	Giải toàn đoàn	800.000	600.000	400.000	200.000
4	Các môn đua thuyền hiện đại				
	Từng nội dung, cự ly	500.000	300.000	200.000	100.000
	Toàn đoàn	1.000.000	700.000	500.000	200.000
5	Các môn thể thao khác				
	Giải đơn, giải đôi	400.000	300.000	200.000	100.000
	Giải đồng đội	500.000	300.000	200.000	100.000
	Giải toàn đoàn	800.000	600.000	400.000	200.000
B	GIẢI TRẺ				

I	CÁC MÔN TẬP THỂ				
1	Bóng đá:				
	Bóng đá sân lớn	3.000.000	2.000.000	1.500.000	800.000
	Bóng đá trong nhà	2.000.000	1.500.000	8.000.000	400.000
	Bóng đá Thiếu niên - Nhi đồng	1.000.000	800.000	500.000	300.000
2	Bóng chuyền, Bóng rổ, Bóng ném	1.500.000	1.000.000	700.000	400.000
3	Bóng chuyền bãi biển	500.000	400.000	200.000	100.000
4	Giải cá nhân xuất sắc từng nội dung các môn thể thao tập thể : 200.000 đồng/nội dung/giải				
II	CÁC MÔN CÁ NHÂN				
1	Điền kinh, Bơi lội				
	Cá nhân từng nội dung - cự ly	200.000	150.000	100.000	50.000
	Cá nhân toàn năng	200.000	150.000	100.000	50.000
	Đồng đội tiếp sức	300.000	200.000	150.000	100.000
	Đồng đội	500.000	300.000	200.000	150.000
	Toàn đoàn	600.000	400.000	300.000	200.000
2	Các môn cờ				
	Giải đơn	200.000	150.000	100.000	50.000
	Giải đôi	300.000	200.000	150.000	100.000
	Giải đồng đội	400.000	250.000	150.000	100.000
	Giải toàn đoàn	600.000	400.000	300.000	150.000
3	Các môn võ thuật				
	Cá nhân đối kháng	200.000	150.000	100.000	50.000
	Thi quyền cá nhân	150.000	100.000	70.000	50.000
	Thi quyền đồng đội	250.000	150.000	120.000	100.000
	Giải đồng đội đối kháng	300.000	200.000	150.000	100.000
	Giải toàn đoàn	600.000	400.000	300.000	150.000
4	Các môn đua thuyền hiện đại				
	Từng nội dung, cự ly	400.000	200.000	100.000	50.000
	Toàn đoàn	800.000	600.000	400.000	200.000
5	Các môn thể thao khác				
	Giải đơn, giải đôi	300.000	200.000	150.000	100.000
	Giải đồng đội	400.000	250.000	150.000	100.000
	Giải toàn đoàn	600.000	500.000	300.000	200.000
C	HỘI THI, HỘI THAO, HỘI DIỄN VÀ CÁC MÔN THỂ THAO DÂN TỘC, TRUYỀN THỐNG				
1	Các môn cá nhân				
	Giải đơn, giải đôi	300.000	200.000	150.000	100.000
	Đồng đội, Kéo co	400.000	250.000	150.000	100.000
2	Các môn tập thể				
	Bóng đá trong nhà	1.500.000	1.000.000	600.000	400.000
	Bóng đá sân lớn	2.000.000	1.500.000	1.000.000	600.000
	Bóng chuyền, Bóng rổ, Bóng ném	1.000.000	600.000	500.000	300.000
	Giải toàn đoàn	2.000.000	1.500.000	1.000.000	700.000
D	GIẢI ĐUA THUYỀN TRUYỀN THỐNG				
	Từng cự ly	3.000.000	2.000.000	1.500.000	1.000.000
	Đua, lắc thúng, chèo thúng	500.000	400.000	300.000	200.000
	Toàn đoàn	2.000.000	1.500.000	1.000.000	800.000

II. GIẢI CẤP HUYỆN : Áp dụng mức chi bằng 70% mức chi giải cấp tỉnh

III. GIẢI CẤP XÃ : Áp dụng mức chi bằng 50% mức chi giải cấp tỉnh